

Số: 1439/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 08 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người có công với cách mạng theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Long Thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Long Thành tại Công văn số 4461/UBND-VX ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc danh sách người có công được hỗ trợ do đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 102/TTr-LĐTBXH ngày 07 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người có công với cách mạng theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Long Thành gồm 902 đối tượng và tổng kinh phí hỗ trợ là 1.351.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm năm mươi một triệu đồng chẵn); cụ thể như sau:

1. Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng: 674 đối tượng, với kinh phí hỗ trợ là 1.010.000.000 đồng.

2. Thân nhân người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng: 228 đối tượng, với kinh phí hỗ trợ là 341.000.000 đồng.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính cấp kinh phí cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để triển khai thực hiện.

2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Bưu điện tỉnh và UBND huyện Long Thành tổ chức chi trả kịp thời, đúng đối tượng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Long Thành và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hòa Hiệp

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19 HUYỆN LONG THÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1439/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/Thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú	NCC đang hưởng trợ cấp hàng tháng		Tràng đổi tượng, NCC hoặc đổi tượng khác trong Quyết định của thủ tướng Chính phủ (ghi rõ đổi tượng tràng)	Số tiền (đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
		Nam	Nữ			NCC đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Thương binh hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I. XÃ PHƯỚC BÌNH											
1	Nguyễn Thị Trang		1925	200380869	xã Phước Bình	MVNAH		Cao tuổi	1.500.000		
2	Hồ Văn Dũng	1957		271909127	xã Phước Bình	TB			1.500.000		
3	Đào Nhất Tâm	1950		272771444	xã Phước Bình	TB, CDHH			1.500.000		
4	Mai Thế Định	1953		270366671	xã Phước Bình	TB			1.500.000		
5	Đông Thanh Linh	1952		271809144	xã Phước Bình	TB, CDHH			1.500.000		
6	Dương Thị Hương		1948	270263125	xã Phước Bình	TB, TD			1.500.000		
7	Mai Thị Chinh		1926	270265420	xã Phước Bình	TB, CCCM, TD			1.500.000		
8	Nguyễn Văn Thân	1950		272384134	xã Phước Bình	TB			1.500.000		
9	Cao Văn Thanh	1958		272021256	xã Phước Bình	TB			1.500.000		
10	Nguyễn Thị Thu Hồng		1950	270246606	xã Phước Bình	TB, CCCM, TD			1.500.000		
11	Trần Thị Khả		1949	270246745	xã Phước Bình	TB, TD			1.500.000		
12	Nguyễn Đức Vũ	1952		271996600	xã Phước Bình	TB, TD			1.500.000		
13	Nguyễn Văn Nghĩa	1948		272383958	xã Phước Bình	TB			1.500.000		
14	Lê Văn Lộc	1952		272006685	xã Phước Bình	TB			1.500.000		
15	Đào Văn Giảo	1930		270246604	xã Phước Bình	TB		Cao tuổi	1.500.000		
16	Nguyễn Văn Đảo	1929		272065381	xã Phước Bình	TB, TD		Cao tuổi	1.500.000		
17	Lữ Văn Tuyết	1959		272115031	xã Phước Bình	TB			1.500.000		

18	Trần Thế Hiền	1946		271697779	xã Phước Bình	TB			1.500.000	
19	Phan Thị Năm		1953	272195399	xã Phước Bình	TB			1.500.000	
20	Bùi Thanh Quý	1955		272065881	xã Phước Bình	BB			1.500.000	
21	Nguyễn Công Nhàn	1950		270265353	xã Phước Bình	BB, TĐ			1.500.000	
22	Nguyễn Quang Kham	1947		270260865	xã Phước Bình	BB			1.500.000	
23	Nguyễn Huy Hùng	1942		270263059	xã Phước Bình	BB			1.500.000	
24	Vũ Văn Diễm	1949		270105991	xã Phước Bình	BB			1.500.000	
25	Tạ Quang Xếp	1949		270873195	xã Phước Bình	BB, TĐ			1.500.000	
26	Trần Văn Kiệt	1932		270263323	xã Phước Bình	BB		Cao tuổi	1.500.000	
27	Bùi Đình Huân	1942		070726008	xã Phước Bình	BB			1.500.000	
28	Nguyễn Văn Thanh	1950		270246670	xã Phước Bình	BB			1.500.000	
29	Vũ Văn Dân	1952		271844150	xã Phước Bình	BB			1.500.000	
30	Nguyễn Văn Quang	1957		271886880	xã Phước Bình	TBB			1.500.000	
31	Võ Văn Hùng	1958		310547319	xã Phước Bình	TBB			1.500.000	
32	Lê Thị Nén			270263414	xã Phước Bình	Tuất 01 Liệt sĩ			1.500.000	
33	Trần Thị Chi			272107469	xã Phước Bình	Tuất 01 Liệt sĩ			1.500.000	
34	Nguyễn Thị Phụng		1929	201031579	xã Phước Bình	Tuất 01 Liệt sĩ		Cao tuổi	1.500.000	
35	Hoàng Thị Tháo		1939	272113073	xã Phước Bình	Tuất 01 Liệt sĩ			1.500.000	
36	Trần Thị Thuận		1943	270873215	xã Phước Bình	Tuất 01 Liệt sĩ, TĐ			1.500.000	
37	Trần Thị Liệu		1966	Không có CMND	xã Phước Bình	Tuất 01 Liệt sĩ			1.500.000	
38	Phạm Thị Phận		1945	270246619	xã Phước Bình	Tuất BB			1.500.000	
39	Trần Thị Tồn		1950	270263048	xã Phước Bình	Tuất BB			1.500.000	
40	Trần Thị Thu		1956	271909516	xã Phước Bình	Tuất BB			1.500.000	
41	Đỗ Thị Mùi		1956	272200131	xã Phước Bình	Tuất BB			1.500.000	
42	Võ Thị Thanh Hiền		1945	210773257	xã Phước Bình	Tuất BB			1.500.000	
43	Huỳnh Kim Ngọc		1955	272300360	xã Phước Bình	CCCM			1.500.000	
44	Nguyễn Văn Lầu	1936		270246420	xã Phước Bình	CCCM, TĐ		Cao tuổi	1.500.000	
45	Nguyễn Đức Kiều	1956		272950771	xã Phước Bình	CĐHHTT			1.500.000	
46	Lê Thanh Tiến	1964		Không có CMND	xã Phước Bình	CĐHH			1.500.000	
47	Đồng Thị Thùy Linh		1987	026057754	xã Phước Bình	CĐHH			1.500.000	
48	Đồng Huỳnh Quốc Vinh	1992		272117408	xã Phước Bình	CĐHH			1.500.000	
49	Nguyễn Thị Cung		1955	270265154	xã Phước Bình	TĐ			1.500.000	
50	Nguyễn Thị Kim Trung		1957	270246609	xã Phước Bình	Tuất Liệt sĩ, CCCM			1.500.000	
51	Dương Thị Tám		1950	270263040	xã Phước Bình	Tuất Liệt sĩ			1.500.000	

52	Dương Thị Kim		1953	270246600	xã Phước Bình	Tuất Liệt sỹ, CT			1.500.000		
53	Nguyễn Thị Hiền		1953	270204549	xã Phước Bình	Tuất Liệt sỹ			1.500.000		
54	Nguyễn Thị Đà		1938	270246561	xã Phước Bình	Tuất Liệt sỹ		Cao tuổi	1.500.000		
Tổng số: 54 người									81.000.000		
II. Xã TAM AN											
55	Võ Ngọc lệ			270003852	xã Tam An	TB, tù đầy, CDHH			1.500.000		
56	Lê Văn Sang	1947		270263747	xã Tam An	thương binh			1.500.000		
57	Hồ Văn Mừng	1925		270236985	xã Tam An	thương binh		cao tuổi	1.500.000		
58	Nguyễn Văn Hồng	1951		270041790	xã Tam An	thương binh, Tù đầy		cao tuổi	1.500.000		
59	Trần Hữu Hạnh	1942		270253447	xã Tam An	thương binh			1.500.000		
60	Trịnh Văn Lang	1963		270238029	xã Tam An	thương binh			1.500.000		
61	Nguyễn Văn Ánh	1956		270257780	xã Tam An	thương binh			1.500.000		
62	Hồ Văn Dô	1950		270238043	xã Tam An	thương binh			1.500.000		
63	Nguyễn Văn Đầu	1952		270368834	xã Tam An	thương binh			1.500.000		
64	Nguyễn Tấn Dũng	1940		272147011	xã Tam An	thương binh			1.500.000		
65	Nguyễn Văn Oanh	1935		271140657	xã Tam An	thương binh		cao tuổi	1.500.000		
66	Võ Văn Văn	1964		270253224	xã Tam An	thương binh			1.500.000		
67	Nguyễn Văn Xinh	1943		270253409	xã Tam An	thương binh			1.500.000		
68	Nguyễn Văn Giàu	1951		27214781	xã Tam An	Bệnh binh			1.500.000		
69	Phạm Hồng Quế	1949		270253353	xã Tam An	Bệnh binh			1.500.000		
70	Nguyễn Văn Cảnh	1944		270253292	xã Tam An	Bệnh binh			1.500.000		
71	Truyền Trung Chánh	1941		270253352	xã Tam An	Bệnh binh			1.500.000		
72	Lê Trọng Nghĩa	1940		272801646	xã Tam An	Bệnh binh, TB		cao tuổi	1.500.000		
73	Nguyễn Thị Dần		1948	270763434	xã Tam An	CDHH			1.500.000		
74	Lê Thị Tron		1921	270253300	xã Tam An	Mẹ VNAH		cao tuổi	1.500.000		
75	Võ Thị Anh		1931	271528047	xã Tam An	Mẹ VNAH		cao tuổi	1.500.000		
76	Nguyễn Thị Sanh		1958	270238909	xã Tam An	tuất nuôi dưỡng			1.500.000		
77	Nguyễn Thị Bé		1939	270238837	xã Tam An	vợ liệt sỹ			1.500.000		
78	Trần Thị Bân		1953	270237997	xã Tam An	vợ liệt sỹ			1.500.000		
79	Nguyễn Thị Tám		1943	270236658	xã Tam An	vợ liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000		
80	Ngô Thị Cà		1936	270253165	xã Tam An	vợ liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000		
81	Nguyễn Thị Chiến		1925	270238049	xã Tam An	mẹ liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000		
82	Nguyễn Thị Phú		1927	270243010	xã Tam An	vợ liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000		
83	Lê Thị Sáu		1924	270253460	xã Tam An	mẹ liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000		
84	Nguyễn Thị Thương		1939	270235248	xã Tam An	vợ liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000		
85	Trần Văn Tá		1932	270238909	xã Tam An	cha liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000		

86	Võ Thị Ba		1935	270237928	xã Tam An	Tuất từ trần		1.500.000	
87	Nguyễn Thị Lan		1958	270253275	xã Tam An	Tuất từ trần		1.500.000	
88	Phạm Thị Ánh		1951	270238106	xã Tam An	Tuất từ trần		1.500.000	
89	Trần Thị A		1934	270238401	xã Tam An	CCCM	cao tuổi	1.500.000	
90	Nguyễn Thị Hạnh		1953	270237884	xã Tam An	CCCM		1.500.000	
91	Hồ Thị Kiều		1930	270253391	xã Tam An	CCCM	cao tuổi	1.500.000	
92	Phạm Thị Miếng		1941	270253827	xã Tam An	CCCM		1.500.000	
93	Phạm Thị Trại		1937	270238555	xã Tam An	CCCM		1.500.000	
94	Nguyễn Văn Bê	1937		270253696	xã Tam An	CCCM, Tù đầy		1.500.000	
95	Trần Thị Lâm		1932	270237808	xã Tam An	CCCM		1.500.000	
96	Nguyễn Thị A		1942	270238896	xã Tam An	CCCM		1.500.000	
97	Lương Thị Bân		1939	270238571	xã Tam An	CCCM		1.500.000	
98	Huỳnh Thị Lan		1939	270238761	xã Tam An	CCCM, vợ LS	cao tuổi	1.500.000	
99	Lê Khắc Ý	1976		272628330	xã Tam An	HHGT	cao tuổi	1.500.000	
100	Nguyễn Trọng Bửu	1936		270451302	xã Tam An	tù đầy	cao tuổi	1.500.000	
101	Nguyễn Văn Đức	1935		270222147	xã Tam An	tù đầy	cao tuổi	1.500.000	
102	Nguyễn Văn Cung	1952		270763664	xã Tam An	tù đầy	cao tuổi	1.500.000	
103	Lê Thị Ri		1933	270237813	xã Tam An	vợ liệt sĩ	cao tuổi	500.000	Chết ngày 05/4/2020
Tổng số: 49 người									
III. XÃ CẨM ĐƯỜNG									
104	Nguyễn Hữu Dục	1946		272113597	xã Cẩm Đường	Thương Binh		1.500.000	
105	Trần Nam Phi	1955		271489425	xã Cẩm Đường	Thương Binh, CDHH		1.500.000	
106	Lê Xuân Nguồn	1950		271114653	xã Cẩm Đường	Thương Binh		1.500.000	
107	Lê Bửu	1946		272115168	xã Cẩm Đường	Thương Binh		1.500.000	
108	Võ Thị Phong		1936	272165262	xã Cẩm Đường	Thương Binh, NCC giúp đỡ CM	Cao tuổi	1.500.000	
109	Trần Đức Hàm	1958		151306405	xã Cẩm Đường	Thương Binh		1.500.000	
110	Nghiêm Xuân Tít	1955		270978298	xã Cẩm Đường	Thương Binh		1.500.000	
111	Trần Văn Mao	1940		272116803	xã Cẩm Đường	Thương Binh Quân nhân xuất ngũ 16 đến dưới 17 năm	Cao tuổi	1.500.000	
112	Trần Văn Qua	1952		272101874	xã Cẩm Đường	Thương Binh		1.500.000	
113	Trần Xuân Chiến	1952			xã Cẩm Đường	Thương Binh		1.500.000	
114	Phạm Văn Viêm	1947		272115186	xã Cẩm Đường	Thương Binh, CDHH		1.500.000	
115	Đoàn Gia Đới	1965		271953224	xã Cẩm Đường	Thương Binh		1.500.000	
116	Nguyễn Văn Dương	1966		272115712	xã Cẩm Đường	Thương Binh		1.500.000	

117	Trần Văn Hưng	1966		272209619	xã Cẩm Đường	Thương Bình			1.500.000		
118	Phùng Kim Sơn	1961		270674151	xã Cẩm Đường	Thương Bình			1.500.000		
119	Nguyễn Công Chứ	1947		272115190	xã Cẩm Đường	Bệnh Bình, CDHH			1.500.000		
120	Bùi Văn Mang	1939		272434854	xã Cẩm Đường	Bệnh Bình		Cao tuổi	1.500.000		
121	Trần Văn Thủ	1950		272113951	xã Cẩm Đường	Bệnh Bình			1.500.000		
122	Phạm Văn Thuồng	1943		272113832	xã Cẩm Đường	Bệnh Bình			1.500.000		
123	Nguyễn Ngọc Ánh	1955		271588683	xã Cẩm Đường	Bệnh Bình			1.500.000		
124	Nguyễn Thanh Học	1958		271199117	xã Cẩm Đường	Bệnh Bình			1.500.000		
125	Nguyễn Trọng Dang	1957		272113956	xã Cẩm Đường	Bệnh Bình, người phục vụ BB từ 81 % ở gia đình			1.500.000		
126	Nguyễn Thị Lệ	1929			xã Cẩm Đường	tuất 1 Liệt Sĩ		Cao tuổi	1.500.000		
127	Nguyễn Viết Thiệp	1933		270286155	xã Cẩm Đường	tuất 1 Liệt Sĩ		Cao tuổi	1.500.000		
128	Lê Thị Sưu	1949		272113482	xã Cẩm Đường	tuất 1 Liệt Sĩ			1.500.000		
129	Ngô Thị Đàm	1939		270285937	xã Cẩm Đường	tuất 1 Liệt Sĩ		Cao tuổi	1.500.000		
130	Cao Thị Hậu	1939		272113513	xã Cẩm Đường	tuất 1 Liệt Sĩ		Cao tuổi	1.500.000		
131	Hoàng Thị Thêu	1932		270285534	xã Cẩm Đường	Tuất Bệnh Bình		Cao tuổi	1.500.000		
132	Nguyễn Thị Xuất	1937		271886869	xã Cẩm Đường	Tuất Bệnh Bình			1.500.000		
133	Nguyễn Văn Quý	1985		271786262	xã Cẩm Đường	con bị DDDT SGSK từ 61% đến 80%			1.500.000		
134	Trần Nam Trọng	1992		272147502	xã Cẩm Đường	con bị DDDT SGSK từ 61% đến 80%			1.500.000		
135	Phạm Văn Dũng	1978		271342113	xã Cẩm Đường	con bị DDDT SGSK từ 81% trở lên			1.500.000		
136	Trần Thị Huệ	1956	Nữ	270674752	xã Cẩm Đường	Tù Dày			1.500.000		
Tổng số: 33 người											
IV. XÃ LONG AN											
137	Lê Hồng Sơn	1947		272117576	xã Long An	Thương bình			1.500.000		
138	Nguyễn Thị Hà		1945	272924340	xã Long An	Thương bình			1.500.000		
139	Đào Văn Diệp	1953		271809234	xã Long An	Thương bình			1.500.000		
140	Trần Hữu Đức	1947		272274503	xã Long An	Thương bình			1.500.000		
141	Nguyễn Đình Văn	1952		150951839	xã Long An	Thương bình			1.500.000		
142	Phạm Tiến Công	1944		270241369	xã Long An	TB, BB			1.500.000		
143	Hà Thị Ngà		1952	272117990	xã Long An	Thương bình			1.500.000		
144	Nguyễn Hùng	1944		270630948	xã Long An	TB, CDHH			1.500.000		
145	Nguyễn Năm	1950		271697070	xã Long An	TB, CDHH			1.500.000		
146	Nguyễn Văn Vinh	1955		272117561	xã Long An	Thương bình			1.500.000		
									49.500.000		

147	Từ Bá Phương	1959		271327069	xã Long An	Thương binh			1.500.000	
148	Lê Kim Hoa		1951	270223776	xã Long An	TB, Tù đầy			1.500.000	
149	Trần Văn Lộc (trần Lộc)	1965		270632504	xã Long An	Thương binh			1.500.000	
150	Trần Văn Đang	1947		272117661	xã Long An	TB, CĐHH			1.500.000	
151	Nguyễn Bá Chính	1958		270990774	xã Long An	Thương binh			1.500.000	
152	Huỳnh Thị Năm		1943	270223564	xã Long An	TB, Tù đầy			1.500.000	
153	Vũ Văn Vinh	1961		270235054	xã Long An	Thương binh		Cao tuổi	1.500.000	
154	Phạm Đức Cấn	1937		271379613	xã Long An	Thương binh			1.500.000	
155	Lê Tấn Xuyên	1950		272117773	xã Long An	Thương binh			1.500.000	
156	Lê Anh Hùng	1951		272117709	xã Long An	Bệnh binh, CĐHH			1.500.000	
157	Trịnh Minh Thoa	1956		272273857	xã Long An	Bệnh binh			1.500.000	
158	Hồ Xuân Ngoan	1958		272351420	xã Long An	Bệnh binh			1.500.000	
159	Hoàng Minh Chư	1948		272117477	xã Long An	Bệnh binh			1.500.000	
160	Hoàng Xuân Nhị	1954		271855976	xã Long An	Bệnh binh			1.500.000	
161	Nguyễn Tấn Sỹ	1944		270223869	xã Long An	Bệnh binh			1.500.000	
162	Nguyễn Thị Ra		1932	270120332	xã Long An	Mẹ VNAH, CCCM		Cao tuổi	1.500.000	
163	Nguyễn Thị Hiếu		1927	270229248	xã Long An	Mẹ VNAH		Cao tuổi	1.500.000	
164	Nguyễn Đức Viên	1921		Mất CMND	xã Long An	Tuất 1 Liệt sỹ		Cao tuổi	1.500.000	
165	Phạm Thị Thạch		1932	270221069	xã Long An	Tuất 1 Liệt sỹ		Cao tuổi	1.500.000	
166	Lê Thị Anh		1941	270223587	xã Long An	Tuất 1 Liệt sỹ			1.500.000	
167	Trần Thị Tốt		1954	270332276	xã Long An	Tuất BB từ 61% trở lên			1.500.000	
168	Lê Thị Mỹ Anh		1948	270223910	xã Long An	Tuất BB từ 61% trở lên			1.500.000	
169	Nguyễn Thị Thu Hà		1952	271686141	xã Long An	Tuất BB từ 61% trở lên			1.500.000	
170	Nguyễn Thị Nguyễn		1951	270120398	xã Long An	Tuất BB từ 61% trở lên			1.500.000	
171	Đặng Kim Phụng	1956		270218780	xã Long An	Có công cách mạng		Cao tuổi	1.500.000	
172	Thiếu Sáu	1926		270221703	xã Long An	Có công cách mạng			1.500.000	
173	Lê Kim Hoa		1951	270223776	xã Long An	Có công cách mạng			1.500.000	
174	Trần Thị Khanh		1942	270589546	xã Long An	Có công cách mạng			1.500.000	
175	Bùi Viết Giám	1953		271809046	xã Long An	CĐHH trực tiếp			1.500.000	
176	Nguyễn Tiến Lựu	1950		272195034	xã Long An	CĐHH trực tiếp			1.500.000	
177	Nguyễn Văn Phấn	1954		271123024	xã Long An	CĐHH trực tiếp			1.500.000	
178	Lê Thị Phương		1976	271281437	xã Long An	CĐHH gián tiếp			1.500.000	
179	Võ Văn Hùng	1981		271472589	xã Long An	CĐHH gián tiếp			1.500.000	
180	Hoàng Anh Sơn	1984		271618373	xã Long An	CĐHH gián tiếp			1.500.000	
181	Hoàng Anh Tiến	1976		271560529	xã Long An	CĐHH gián tiếp			1.500.000	

182	Trần Văn Nam	1985		Không CMND	xã Long An	CDHH gián tiếp			1.500.000		
183	Đoàn Minh Sang	1938		270837498	xã Long An	Tù đầy, Thương binh		Cao tuổi	1.500.000		
184	Nguyễn Thị Hạnh		1953	270221861	xã Long An	Tù đầy			1.500.000		
185	Đặng Thị Bé		1929	270229203	xã Long An	Tù đầy		Cao tuổi	1.500.000		
Tổng số: 49									73.500.000		
V. XÃ PHƯỚC THÁI											
186	Bùi Văn Pho	1956		271089653	Phước Thái	TB			1.500.000		
187	Châu Minh Nghĩa	1948		270631509	Phước Thái	TB			1.500.000		
188	Chu Mạnh Toàn	1956		272064404	Phước Thái	TB; BB			1.500.000		
189	Đặng Phúc Hoàn	1960		161437026	Phước Thái	TB			1.500.000		
190	Đỗ Thị Lợi		1953	270246339	Phước Thái	DBTD			1.500.000		
191	Đỗ Văn Khảm	1945		150276746	Phước Thái	TB; SUY GIẢM KNLD			1.500.000		
192	Đỗ Xuân Dục	1955		271089661	Phước Thái	TB			1.500.000		
193	Dương Thị Bình				Phước Thái	BB			1.500.000		
194	Hoàng Văn Dũng	1963		271035456	Phước Thái	TB			1.500.000		
195	Hoàng Văn Nam				Phước Thái	TB			1.500.000		
196	Hoàng Văn Văn	1933			Phước Thái	TUẤT LS		Cao tuổi	1.500.000		
197	Huỳnh Thị Đẹp		1950	270263394	Phước Thái	NCC; DBTD			1.500.000		
198	Huỳnh Thị Mây		1941	270260068	Phước Thái	TUẤT LS			1.500.000		
199	Huỳnh Thị Ty		1930	270295737	Phước Thái	TB; DBTD;		Cao tuổi	1.500.000		
200	Huỳnh Văn Sói	1953		270246590	Phước Thái	CDHH			1.500.000		
201	Lâm Văn Âu	1940		270002005	Phước Thái	TB			1.500.000		
202	Lê Công Hùng	1957		271466551	Phước Thái	TB			1.500.000		
203	Lê Duy Hồng	1954		272063335	Phước Thái	TB; SUY GIẢM KNLD			1.500.000		
204	Lê Sỹ Gơ	1940			Phước Thái	TB			1.500.000		
205	Lê Thị Chi				Phước Thái	TUẤT LS			1.500.000		
206	Lê Thị Hồng				Phước Thái	TUẤT LS			1.500.000		
207	Lê Thị Phước				Phước Thái	NCC; DBTD			1.500.000		
208	Lê Văn Bổng	1936		270260676	Phước Thái	DBTD;		Cao tuổi	1.500.000		
209	Lê Văn Khai	1949		183067692	Phước Thái	TB; BB			1.500.000		
210	Lê Văn Trọng	1956			Phước Thái	TBB			1.500.000		
211	Mai Văn (Xuân) Đại	1962		271345046	Phước Thái	TBB			1.500.000		
212	Ngô Quang Triều	1954		233250834	Phước Thái	TB; CDHH			1.500.000		
213	Ngô Thị Nàng		1937	270246212	Phước Thái	TB; BB			1.500.000		

214	Nguyễn Công Huân	1952		271342833	Phước Thái	BB; SUY GIÁM KNLĐ			1.500.000	
215	Nguyễn Danh Hùng	1951		270246302	Phước Thái	BB			1.500.000	
216	Nguyễn Khắc Hoàng	1950		272522845	Phước Thái	TB			1.500.000	
217	Nguyễn Thi Hiếu				Phước Thái	TB			1.500.000	
218	Nguyễn Thị Mừng		1945	270260069	Phước Thái	TUẤT BB; ĐBTĐ			1.500.000	
219	Nguyễn Thị Năm		1943	270246442	Phước Thái	TB; TUẤT LS; ĐBTĐ			1.500.000	
220	Nguyễn Thị Phán		1927	270245750	Phước Thái	TB; ĐBTĐ; NCC,	Cao tuổi		1.500.000	
221	Nguyễn Thị Phương				Phước Thái	ĐBTĐ; TB			1.500.000	
222	Nguyễn Thị Phương		1944		Phước Thái	TUẤT LS			1.500.000	
223	Nguyễn Thị Thắng	1946		272301383	Phước Thái	TB			1.500.000	
224	Nguyễn Thị Thanh				Phước Thái	TUẤT LS			1.500.000	
225	Nguyễn Thị Tý		1927		Phước Thái	NCC,	Cao tuổi		1.500.000	
226	Nguyễn Thị Xuân Cúc		1932	272195990	Phước Thái	TB; ĐBTĐ			1.500.000	
227	Nguyễn Trung Thành	1951		270103313	Phước Thái	TB; CĐHH			1.500.000	
228	Nguyễn Văn Ái	1964		270250893	Phước Thái	TB			1.500.000	
229	Nguyễn Văn Cao	1959		270245632	Phước Thái	ĐBTĐ			1.500.000	
230	Nguyễn Văn Hạng	1930		270260350	Phước Thái	TB	Cao tuổi		1.500.000	
231	Nguyễn Văn Thao	1956		271306647	Phước Thái	CĐHH			1.500.000	
232	Nguyễn Văn Thụ	1945		271199687	Phước Thái	TB			1.500.000	
233	Nguyễn Văn Vỹ	1932		270250968	Phước Thái	NCC	Cao tuổi		1.500.000	
234	Nguyễn Văn Xí	1955		271909072	Phước Thái	TB			1.500.000	
235	Phạm Thị Trọng		1954	271063708	Phước Thái	TUẤT BB			1.500.000	
236	Phạm Thị Tý		1937	130557977	Phước Thái	TUẤT LS	Cao tuổi		1.500.000	
237	Phạm Văn Trại	1955		271435312	Phước Thái	TBB			1.500.000	
238	Phan Thị Lợi		1954		Phước Thái	TB			1.500.000	
239	Phan Văn Út				Phước Thái	TB			1.500.000	
240	Tạ Đình Doan	1948		271595380	Phước Thái	CĐHH			1.500.000	
241	Tô Văn Nghĩa	1947		270863756	Phước Thái	TB; BB; SUY GIÁM KNLĐ			1.500.000	
242	Trần Anh Dũng	1940		272063289	Phước Thái	TB;	Cao tuổi		1.500.000	
243	Trần Đình Chiến	1981		162365320	Phước Thái	CĐHH			1.500.000	
244	Trần Đức Long	1935		181822245	Phước Thái	TB	Cao tuổi		1.500.000	
245	Trần Ngọc Hai	1948		271011644	Phước Thái	TUẤT BB			1.500.000	
246	Trần Thị Bé		1954	270246342	Phước Thái	ĐBTĐ			1.500.000	
247	Trần Văn Minh	1953		272064311	Phước Thái	BB			1.500.000	

248	Trương Thị Thành		1933	272063610	Phước Thái	TUẤT LS		Cao tuổi	1.500.000		
249	Trương Thị Tron		1950	270246296	Phước Thái	TB; tuổi TB			1.500.000		
250	Trương Văn Thắt	1948		271099730	Phước Thái	TB; DBTD			1.500.000		
251	Trương Vũ Linh	1980		271488772	Phước Thái	CDHH			1.500.000		
252	Trương Vũ Quang		1954	271649822	Phước Thái	TB; SUY GIẢM KNLD			1.500.000		
253	Võ Thị Nhỏ		1932		Phước Thái	NCC; TUẤT LS;		Cao tuổi	1.500.000		
254	Võ Văn Minh	1956		340156117	Phước Thái	TB			1.500.000		
255	Vũ Hồng Chung	1946		272416858	Phước Thái	TB			1.500.000		
256	Vũ Hữu Bắc	1958		272181933	Phước Thái	TB			1.500.000		
257	Vũ Thị Huệ		1934	160577212	Phước Thái	TUẤT LS;		Cao tuổi	1.500.000		
258	Vũ Thị Nhiều		1931	150676602	Phước Thái	TUẤT LS;		Cao tuổi	1.500.000		
Tổng số: 73 người									109.500.000		

VI. THỊ TRẦN LONG THÀNH

259	Võ Phi Phụng	1942			TT Long Thành	TB 1/4			1.500.000		
260	Đỗ Thái Nguyễn	1966			TT Long Thành	TB 1/4			1.500.000		
261	Nguyễn Đức Hùng	1960		170587007	TT Long Thành	TB 1/4			1.500.000		
262	Nguyễn Văn Ngon	1964			TT Long Thành	TB 2/4			1.500.000		
263	Bùi Quốc Tuấn	1952		272146560	TT Long Thành	TB 2/4			1.500.000		
264	Nguyễn Văn Hoàng	1955			TT Long Thành	TB 2/4			1.500.000		
265	Bùi Văn Sỹ	1947		271950300	TT Long Thành	TB 2/4			1.500.000		
266	Phạm Đăng Cường	1965		271569020	TT Long Thành	TB 2/4			1.500.000		
267	Đỗ Văn Lý	1964		271035000	TT Long Thành	TB 3/4			1.500.000		
268	Trần Trọng Đức	1945			TT Long Thành	TB 3/4, HHIT			1.500.000		
269	Phạm Thế Dục	1947			TT Long Thành	TB 3/4			1.500.000		
270	Trần Thị Ngọc Dũng		1957	272706575	TT Long Thành	TB 3/4			1.500.000		
271	Trịnh Ngọc Núi	1948			TT Long Thành	TB 3/4			1.500.000		
272	Nguyễn Văn Dạng	1952		270301173	TT Long Thành	TB 3/4, TD			1.500.000		
273	Thái Xuân Kiên	1950		023456574	TT Long Thành	TB 3/4			1.500.000		
274	Phạm Văn Lương	1936			TT Long Thành	TB 3/4			1.500.000		
275	Đặng Minh Hùng	1948			TT Long Thành	TB 3/4			1.500.000		
276	Trần Hồng Thái	1952			TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000		
277	Nguyễn Thị Kim Hoa		1951	270676640	TT Long Thành	TB 4/4, Tù đầy			1.500.000		
278	Nguyễn Văn Quân	1942			TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000		
279	Trần Mạnh Hà	1932			TT Long Thành	TB 4/4, HHIT			1.500.000		
280	Lê Trung Thành	1939			TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000		

281	Lê Đình Hoàng	1947			TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
282	Trần Thị Diệp		1950		TT Long Thành	TB 4/4, TB, THPT			1.500.000	
283	Nguyễn Thanh Bình	1938			TT Long Thành	TB 4/4		cao tuổi	1.500.000	
284	Hà Tiến Sỹ	1945			TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
285	Bùi Xuân Việt	1950		272567975	TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
286	Lê Khắc Nghiệp	1956		272351380	TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
287	Trần Hữu Hưng	1954		810039076	TT Long Thành	TB 4/4, QĐ 142			1.500.000	
288	Lê Văn Sơn	1953		270016055	TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
289	Phan Thanh Kiệt	1955			TT Long Thành	TB 4/4, THPT			1.500.000	
290	Trần Thị Yến		1951	271909988	TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
291	Đặng Hoàng Sơn	1948		270232961	TT Long Thành	TB 4/5			1.500.000	
292	Phạm Văn Duyên	1936			TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
293	Tiêu Viết Hiến	1932			TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
294	Huỳnh Thị Vân		1944		TT Long Thành	TB 4/4, THPT			1.500.000	
295	Phạm Duy Khương	1964		270275191	TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
296	Huỳnh Minh Tấn	1941			TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
297	Nguyễn Thị Su		1947		TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
298	Bùi Văn Bình	1956			TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
299	Nguyễn Thị Sợi		1950	150442844	TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
300	Vương Đình Bình	1956			TT Long Thành	TB 4/5			1.500.000	
301	Nguyễn Tiến Nhân				TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
302	Nguyễn Văn Định	1944			TT Long Thành	TB 4/4			1.500.000	
303	Trần Thị Phương Vân		1950	270806111	TT Long Thành	TB, BB			1.500.000	
304	Dương Văn Tiến	1950		272195615	TT Long Thành	BB			1.500.000	
305	Nguyễn Thị Ánh		1938	270225576	TT Long Thành	BB, THPT			1.500.000	
306	Lương Xuân Phú	1949			TT Long Thành	BB			1.500.000	
307	Lê Văn Huân	1950		271605173	TT Long Thành	BB			1.500.000	
308	Võ Thị Mai		1950	270295860	TT Long Thành	BB			1.500.000	
309	Đinh Phương Ngọc	1943		271305008	TT Long Thành	TB, BB			1.500.000	
310	Tô Văn Tự	1940		270630776	TT Long Thành	TB, BB			1.500.000	
311	Trần Quân	1948		270676430	TT Long Thành	TB, TB, BB			1.500.000	
312	Bùi Văn Hoi	1947		272064130	TT Long Thành	BB, THPT		cao tuổi	1.500.000	
313	Võ Văn Soi	1933		270222607	TT Long Thành	CCCM		cao tuổi	1.500.000	
314	Nguyễn Kiều Hồng		1926	270232322	TT Long Thành	CCCM		cao tuổi	1.500.000	
315	Phan Thị Kim Ngọc		1935		TT Long Thành	CCCM		cao tuổi	1.500.000	
316	Đào Thị Tiếng		1940	270292059	TT Long Thành	CCCM			1.500.000	

317	Nguyễn Thị Nguyệt		1934	270232789	TT Long Thành	CCCM			1.500.000		
318	Lê Ngọc Kiến	1941		27241274	TT Long Thành	CCCM			1.500.000		
319	Nguyễn Thị Kim Anh		1946		TT Long Thành	CCCM, tù đầy			1.500.000		
320	Nguyễn Văn Thìn	1941			TT Long Thành	CDHH dưới 81%			1.500.000		
321	Nguyễn Văn Điền	1948			TT Long Thành	CDHH dưới 81%			1.500.000		
322	Nguyễn Xuân Huy	1954			TT Long Thành	CDHH dưới 81%			1.500.000		
323	Trần Văn Tất	1947			TT Long Thành	CDHH dưới 81%			1.500.000		
324	Nguyễn Xuân Hợp	1951			TT Long Thành	CDHH dưới 81%			1.500.000		
325	Hoàng Xuân Thám	1955		271569020	TT Long Thành	CDHH trực tiếp			1.500.000		
326	Nguyễn Thị Nữ		1943		TT Long Thành	CDHH trực tiếp			1.500.000		
327	Nguyễn Thị Hồng		1952		TT Long Thành	CDHH trực tiếp			1.500.000		
328	Huỳnh T Hồng Trang		1974		TT Long Thành	CDHH gián tiếp			1.500.000		
329	Phạm Văn Hòa				TT Long Thành	CDHH gián tiếp			1.500.000		
330	Nguyễn Văn Thịnh	1941			TT Long Thành	CDHH gián tiếp			1.500.000		
331	Phạm Văn Đó	1948		150315115	TT Long Thành	CDHH trực tiếp			1.500.000		
332	Phạm Ngọc Tiết	1960		272984347	TT Long Thành	CDHH trực tiếp			1.500.000		
333	Vũ Quý Dương	1952		272317521	TT Long Thành	QĐ 142, HHTT			1.500.000		
334	Nguyễn Thị Hằng		1936	270120483	TT Long Thành	Tù đầy		cao tuổi	1.500.000		
335	Lâm Thị Nguyệt				TT Long Thành	Tù đầy			1.500.000		
	Lê Thị Oanh		1953	270630022	TT Long Thành	Người HDCCM hoặc HDKC bị dịch bắt tù, đầy			1.500.000		
336	Lê Thị Chinh		1948		TT Long Thành	CCCM, TNLS			1.500.000		
337	Lê Thị Lưu		1930		TT Long Thành	TB, TD, TNLS			1.500.000		
338	Lê Thị Sinh		1951		TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ			1.500.000		
339	Lê Thị Lợi		1943	270217810	TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ			1.500.000		
340	Dương Thị Hiền		1958		TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ		cao tuổi	1.500.000		
341	Nguyễn Thị Lợi		1931		TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ		cao tuổi	1.500.000		
342	Nguyễn Sỹ Ngọc	1926			TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ			1.500.000		
343	Nguyễn Thị Mế		1955		TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ		cao tuổi	1.500.000		
344	Trần Thị Tăng		1939		TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ			1.500.000		
345	Nguyễn Thị Mai		1944		TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ			1.500.000		
346	Võ Thị Xem		1948		TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ			1.500.000		
347	Nguyễn Thị Ra		1937		TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ		cao tuổi	1.500.000		
348	Đặng Thị Cúc		1926		TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ		cao tuổi	1.500.000		
349	Vũ T. Ân		1933		TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ			1.500.000		

351	Huỳnh Văn Đê	1930		TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ		cao tuổi	1.500.000	
352	Vũ Thị Xinh	1943		TT Long Thành	Tuất Liệt sĩ			1.500.000	
Tổng số: 94 người									
VII. XÃ AN PHƯỚC									
353	Đặng Việt Hùng	1973	271779291	xã An Phước	TB nặng			1.500.000	
354	Nguyễn Minh Hải	1943	270240721	xã An Phước	TB nặng			1.500.000	
355	Mai Văn Khoa	1982		xã An Phước	BB nặng			1.500.000	
356	Diệp Xuân Thông	1961	272172520	xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
357	Đặng Đình Luyện	1949		xã An Phước	Thương binh		hưu trí	1.500.000	
358	Đinh Khánh Tiến	1958		xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
359	Lê Tuấn Khanh	1953		xã An Phước	Thương binh		hưu trí	1.500.000	
360	Lê Thị Hồng Ván	1949		xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
361	Lê Trung Anh	1947		xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
362	Lê Văn Tùng	1949	272435649	xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
363	Lương Tấn Việt	1957	271547119	xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
364	Ngô Đức Thắng	1956	272467907	xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
365	Nguyễn Đình Đệ	1957	271809864	xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
366	Nguyễn Thị Bích Liên	1954	271996151	xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
367	Nguyễn Thị Chín	1950	271467264	xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
368	Nguyễn Thị Hồng	1949	272318587	xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
369	Nguyễn Thị Tường	1946	272107179	xã An Phước	Thương binh		hưu trí	1.500.000	
370	Nguyễn Văn Huân	1957		xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
371	Nguyễn Văn Minh	1960	272172104	xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
372	Nguyễn Văn Tốt	1958	270016062	xã An Phước	Thương binh		hưu trí	1.500.000	
373	Nguyễn Văn Tường	1952		xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
374	Phạm Hữu Dũng	1955	270253779	xã An Phước	Thương binh		hưu trí	1.500.000	
375	Phạm Khoái	1936		xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
376	Phạm Văn Chủ	1955	272172064	xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
377	Phan Thành Tâm	1960		xã An Phước	Thương binh 42%			1.500.000	
378	Phan Thị Tấn	1952	271996268	xã An Phước	Thương binh		hưu trí	1.500.000	
379	Phan Văn Thơ	1940		xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
380	Tạ Văn Uyên	1944		xã An Phước	Thương binh			1.500.000	
381	Trần Cao Hối	1947	193629161	xã An Phước	Thương binh		hưu trí	1.500.000	
382	Trần Đình Cấn	1949		xã An Phước	Thương binh		hưu trí	1.500.000	
383	Trần Linh	1949		xã An Phước	Thương binh		hưu trí	1.500.000	
384	Trần Văn Lân	1954		xã An Phước	Thương binh		hưu trí	1.500.000	

385	Trần Văn Trinh	1957		272172073	xã An Phước	Thương binh			1.500.000		
386	Trịnh Viết Bá	1969		271379038	xã An Phước	Thương binh			1.500.000		
387	Võ Minh Tốt	1956		270120825	xã An Phước	Thương binh			1.500.000		
388	Đào Đức Hoàn	1954		183475209	xã An Phước	TB+CDHH			1.500.000		
389	Đào Minh Tiến	1947			xã An Phước	TB+TCT	hưu trí		1.500.000		
390	Đỗ Thị Nơi		1945	270249686	xã An Phước	TB+TCT+CDHH			1.500.000		
391	Đỗ Văn Đức	1947		270240154	xã An Phước	TB+TCT			1.500.000		
392	Hoàng Phùng	1936			xã An Phước	TB+CDHH	hưu trí		1.500.000		
393	Hồ Thị Ánh		1945	270257378	xã An Phước	TB+TCT			1.500.000		
394	Huyền Văn Hết	1937		Không có	xã An Phước	TB	Cao tuổi		1.500.000		
395	Lưu Thị Minh		1949		xã An Phước	TB+TCT	hưu trí		1.500.000		
396	Nghiêm Xuân Vượng	1951		272086962	xã An Phước	TB+BB			1.500.000		
397	Nguyễn T Tuyết Nhung		1956	270103914	xã An Phước	TB+CDHH			1.500.000		
398	Nguyễn Văn Bền	1936		270249878	xã An Phước	TB+CCCM+TCT	Cao tuổi		1.500.000		
399	Phạm Thị Bền		1935	270250139	xã An Phước	TB+TCT	Cao tuổi		1.500.000		
400	Trần Quốc Thịnh	1955		272066229	xã An Phước	TB+CDHH			1.500.000		
401	Trần Thế Nguyễn	1957		271247142	xã An Phước	TB+CDHH			1.500.000		
402	Trần Thị Mang		1942	270250091	xã An Phước	TB+TCT			1.500.000		
403	Trần Văn Chắp	1938			xã An Phước	TB+CDHH	hưu trí		1.500.000		
404	Trịnh Viết Chi	1952			xã An Phước	TB+CDHH			1.500.000		
405	Trương Văn Mừng	1945		270780744	xã An Phước	TB+BB			1.500.000		
406	Võ Thị Lớn	1952		270249580	xã An Phước	TB+TCT			1.500.000		
407	Vũ Lương	1935			xã An Phước	TB+BB+CDHH	hưu trí		1.500.000		
408	Bùi Ngọc Hưng	1943		272172589	xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		
409	Dương Văn Tinh	1957		272416438	xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		
410	Đinh Văn Hiền	1948		271492330	xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		
411	Lã Viết Kha	1951		272257553	xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		
412	Lê Minh Chính	1953		173466702	xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		
413	Mạc Văn Vinh	1955		271557576	xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		
414	Nguyễn Đăng Châu	1951		272172189	xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		
415	Nguyễn Hải Yến	1946		271390683	xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		
416	Nguyễn Ngọc Kỳ	1945			xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		
417	Nguyễn Tường Thu	1950		271312478	xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		
418	Nguyễn Thị Huệ		1951	270227414	xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		
419	Nguyễn T Ngọc Thanh		1953	271552389	xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		
420	Tô Văn Vỹ	1950		183407518	xã An Phước	Bệnh binh			1.500.000		

421	Trần Đình Châu	1952		272301128	xã An Phước	Bệnh bình			1.500.000	
422	Trần Đức Thi	1942		272656671	xã An Phước	Bệnh bình			1.500.000	
423	Trần Xuân Luyến	1945		272226807	xã An Phước	Bệnh bình			1.500.000	
424	Trịnh Thị Phúc		1960	272195445	xã An Phước	Bệnh bình			1.500.000	
425	Nguyễn Thị Lan		1946	270357382	xã An Phước	BB+CDHH		Cao tuổi	1.500.000	
426	Phạm Xuân Khánh	1937		270762391	xã An Phước	BB			1.500.000	
427	Đinh Công Ảnh	1947			xã An Phước	CDHH TTT 81 %			1.500.000	
428	Đinh Văn Hạnh	1954			xã An Phước	CDHH TTT 81 %		hưu trí	1.500.000	
429	Nguyễn Xuân Bình	1954			xã An Phước	CDHH TTT 81 %		hưu trí	1.500.000	
430	Lê Hoàng Quy	1957			xã An Phước	CDHH TTD 81 %		hưu trí	1.500.000	
431	Lê Quyết Chiến	1937			xã An Phước	CDHH TTD 81 %		hưu trí	1.500.000	
432	Lưu Quốc Hưng	1952			xã An Phước	CDHH TTD 81 %		hưu trí	1.500.000	
433	Nguyễn Cảnh Toàn	1950		038050001012	xã An Phước	CDHH TTD 81 %		hưu trí	1.500.000	
434	Nguyễn Cao Phác	1940			xã An Phước	CDHH TTD 81 %		hưu trí	1.500.000	
435	Nguyễn Xuân Hồng	1952			xã An Phước	CDHH TTD 81 %		hưu trí	1.500.000	
436	Phạm Công Ry	1949			xã An Phước	CDHH TTD 81 %		hưu trí	1.500.000	
437	Trần Phương Nam	1955		271996895	xã An Phước	CDHH TTD 81 %			1.500.000	
438	Trần Văn Phương	1952		270001950	xã An Phước	CDHH TTD 81 %			1.500.000	
439	Trần Thị Ưc		1942		xã An Phước	CDHH + TNLS			1.500.000	
440	Lý Thị Tăng		1965	Không có	xã An Phước	TNLS			1.500.000	
441	Đoàn Thị Nêm		1941	270257773	xã An Phước	TNLS			1.500.000	
442	Lê Thị Mai		1960	272416223	xã An Phước	TNLS			1.500.000	
443	Nguyễn Thị Kỳ		1941	272172577	xã An Phước	TNLS			1.500.000	
444	Nguyễn Thị Trường		1942	270249625	xã An Phước	TNLS			1.500.000	
445	Phạm Thị Kim Cúc		1955	272415052	xã An Phước	TNLS			1.500.000	
446	Trần Thanh Thâm	1943		270245550	xã An Phước	TNLS			1.500.000	
447	Huỳnh Thị Thang		1939	272043004	xã An Phước	TNLS		Cao tuổi	1.500.000	
448	Nguyễn Thị Khoe		1930	270245056	xã An Phước	TNLS		Cao tuổi	1.500.000	
449	Phạm Thị Ly		1940	270249920	xã An Phước	TNLS		Cao tuổi	1.500.000	
450	Trần Thị Đưa		1933	270245393	xã An Phước	TNLS		Cao tuổi	1.500.000	
451	Dương Thị Tây		1924	270259075	xã An Phước	CCCM+LS		Cao tuổi	1.500.000	
452	Nguyễn Anh	1937		270227833	xã An Phước	CCCM		Cao tuổi	1.500.000	
453	Phạm Văn Nền	1952		270249894	xã An Phước	CCCM			1.500.000	
454	Trần Thị Bình		1934	270249472	xã An Phước	CCCM		Cao tuổi	1.500.000	
455	Trần Thị Đỏ		1935	270249528	xã An Phước	CCCM		Cao tuổi	1.500.000	
456	Nguyễn Thị Bông		1951	270250170	xã An Phước	Tù chính trị			1.500.000	

457	Nguyễn Thị Thê		1947	272257584	xã An Phước	Tù chính trị			1.500.000		
458	Nguyễn Thu Phương		1953	270249895	xã An Phước	Tù chính trị			1.500.000		
459	Trần Văn Quý	1944		270905432	xã An Phước	Tù chính trị			1.500.000		
460	Đào Đức Tuệ	1987		183677898	xã An Phước	HH gián tiếp			1.500.000		
461	Đinh Hoài Linh		1988	271963606	xã An Phước	HH gián tiếp			1.500.000		
462	Đinh Thị Hà Nam		1985	271963606	xã An Phước	HH gián tiếp			1.500.000		
463	Lê Thị Cẩm Hồng		1986	Không có	xã An Phước	HH gián tiếp			1.500.000		
464	Nguyễn Tiến Thọ	1985		271747714	xã An Phước	HH gián tiếp			1.500.000		
465	Trần Thị Tuyết Nga		1984	271608517	xã An Phước	HH gián tiếp			1.500.000		
466	Đỗ Thị Bảo Khánh		2003	Không có	xã An Phước	Tuất TBB			1.500.000		
467	Huỳnh Thị Ngọc Yến		1955	270227584	xã An Phước	Tuất TBB			1.500.000		
468	Lê Thị Phước		1958	272172491	xã An Phước	Tuất TBB			1.500.000		
469	Nguyễn Ngọc Lê		1955		xã An Phước	Tuất TBB			1.500.000		
470	Nguyễn Thị Milet		1937	270257450	xã An Phước	Tuất TBB		Cao tuổi	1.500.000		
471	Nguyễn Thị Ngân		1958	270249632	xã An Phước	Tuất TBB			1.500.000		
472	Nguyễn Thị Phong Vân		1955	270115020	xã An Phước	Tuất TBB			1.500.000		
473	Nguyễn Thị Thuận		1955	180521980	xã An Phước	Tuất TBB			1.500.000		
474	Phạm Thị Hoan		1956	272209492	xã An Phước	Tuất TBB		Cao tuổi	1.500.000		
475	Trần Thị Canh		1935	270240523	xã An Phước	Tuất TBB			1.500.000		
Tổng số: 123 người									184.500.000		
VIII. XÃ BÌNH SƠN											
476	Đinh Đức Đạt	1956		21330170	xã Bình Sơn	TB			1.500.000		
477	Nguyễn Chánh Thi	1951		272115439	xã Bình Sơn	TB			1.500.000		
478	Trình Tú Suong	1948		272116538	xã Bình Sơn	TB, CDHH			1.500.000		
479	Lê Khắc Phong	1944		272199869	xã Bình Sơn	TB			1.500.000		
480	Nguyễn Văn Hiều	1948		272116167	xã Bình Sơn	TB			1.500.000		
481	Nguyễn Thị Linh		1955	272146046	xã Bình Sơn	TB			1.500.000		
482	Nguyễn Thị Lan		1952	271886788	xã Bình Sơn	TB			1.500.000		
483	Vương Đình Bình	1947		270288693	xã Bình Sơn	TB, CDHH			1.500.000		
484	Hoàng Thị Sang		1948	272168468	xã Bình Sơn	TB			1.500.000		
485	Nguyễn Thanh Sơn	1945		271666739	xã Bình Sơn	TB			1.500.000		
486	Võ Thị Yến		1955	272209488	xã Bình Sơn	TB, TD, CDHH			1.500.000		
487	Nguyễn Thanh Nhân	1950		271976468	xã Bình Sơn	TB			1.500.000		
488	Nguyễn Ngọc Lân	1956		270692386	xã Bình Sơn	TB			1.500.000		
489	Lê Thị Lịch		1948	272146138	xã Bình Sơn	TB, CCCC			1.500.000		
490	Trần Nhật Hợp	1943		271966726	xã Bình Sơn	TB			1.500.000		

491	Nguyễn Khắc Ngộ	1947		272086091	xã Bình Sơn	TB			1.500.000	
492	Nguyễn Văn Hoàng	1952		270503009	xã Bình Sơn	TB, TB			1.500.000	
493	Nguyễn Văn Thông	1943		270589996	xã Bình Sơn	TB			1.500.000	
494	Đặng Thị Phú		1953	270376762	xã Bình Sơn	TB, CDHH, Tù đầy			1.500.000	
495	Nguyễn Văn Hiệp	1942		270291312	xã Bình Sơn	TB			1.500.000	
496	Trương Tấn Thành (phước)	1945		270001972	xã Bình Sơn	TB			1.500.000	
497	Nguyễn Duy Phương	1959		270562391	xã Bình Sơn	TB			1.500.000	
498	Trần Văn Chanh	1948		272113418	xã Bình Sơn	TB			1.500.000	
499	Trần Quang Khải				xã Bình Sơn	TB			1.500.000	
500	Nguyễn Minh Sang	1964		270317795	xã Bình Sơn	TB			1.500.000	
501	Nguyễn Văn Tiến	1961		270288824	xã Bình Sơn	TB			1.500.000	
502	Đào Tiến Dậu	1958		272021917	xã Bình Sơn	TB			1.500.000	
503	Doãn Văn Dung				xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
504	Phạm Đình Chiến	1943		272021480	xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
505	Nguyễn Trung Bình	1946		270954197	xã Bình Sơn	BB, CDHH			1.500.000	
506	Trần Thị Chất		1955	270289017	xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
507	Đỗ Xuân Hạnh	1955		241120390	xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
508	Đặng Văn Dư				xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
509	Giá Văn Lý		1948	272165704	xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
510	Nguyễn Văn Thìn	1940		270317795	xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
511	Vũ Quang Mai	1945		272115203	xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
512	Nguyễn Quang Phóng	1943		270289050	xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
513	Trần Văn Đật	1949		270253320	xã Bình Sơn	BB, Tù đầy			1.500.000	
514	Nguyễn Văn Thích	1946		270290865	xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
515	Trần Văn Thanh	1950		270377039	xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
516	Nguyễn Thị Kim Loan		1958	270288517	xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
517	Lương Thị Hoa		1949	270289029	xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
518	Nguyễn Hồng Chiến	1950		272713321	xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
519	Hoàng Văn Nhiệm				xã Bình Sơn	BB			1.500.000	
520	Nguyễn Thị Kim Anh		1957	270119757	xã Bình Sơn	Vợ Liệt Sỹ			1.500.000	
521	Triệu Thị Mạn		1933	272371961	xã Bình Sơn	Mẹ Liệt Sỹ			1.500.000	
522	Trần Thị Thoa		1958	272273392	xã Bình Sơn	Vợ Liệt Sỹ			1.500.000	
523	Nguyễn Thị Huệ		1935	270288190	xã Bình Sơn	Mẹ LS		Cao tuổi	1.500.000	
524	Nguyễn Thị Vàng		1948	270317675	xã Bình Sơn	Vợ Liệt Sỹ, Tù đầy			1.500.000	
525	Phạm Thị Mùi		1943	270376559	xã Bình Sơn	CCCM			1.500.000	

526	Trần Thị Châu		1946	270376886	xã Bình Sơn	Tuất Liệt sỹ			1.500.000		
527	Nguyễn Thị Thành		1947	270376696	xã Bình Sơn	CCM			1.500.000		
528	Trần Thị Hời		1930	170825023	xã Bình Sơn	Mẹ LS		Cao tuổi	1.500.000		
529	Nguyễn Thị Lỵc		1945	270288396	xã Bình Sơn	Tuất Liệt sỹ			1.500.000		
530	Nguyễn Thị Bé		1940	270376659	xã Bình Sơn	Vợ Liệt sỹ		Cao tuổi	1.500.000		
531	Nguyễn Thị Vinh		1936	270376907	xã Bình Sơn	Tuất Liệt sỹ			1.500.000		
532	Nguyễn Thị An		1941	270377189	xã Bình Sơn	Tuất Liệt sỹ			1.500.000		
533	Ngô Thị Ính		1937	270376841	xã Bình Sơn	Vợ Liệt sỹ		Cao tuổi	1.500.000		
534	Công Thị Nguyệt		1944	270376483	xã Bình Sơn	Tuất Liệt sỹ			1.500.000		
535	Nguyễn Thị Mai		1930	270288887	xã Bình Sơn	Mẹ LS			1.500.000		
536	Đặng Thị Cảnh		1945	270377249	xã Bình Sơn	Tuất BB, CCCM			1.500.000		
537	Lâm Thị Muối		1955	270282282	xã Bình Sơn	Tuất BB			1.500.000		
538	Mai Thị Mai Hoa			271382301	xã Bình Sơn	Tuất BB			1.500.000		
539	Nguyễn Thị Phúc		1957	270288492	xã Bình Sơn	Tuất BB			1.500.000		
540	Trần Thị Thuận		1952	168210945	xã Bình Sơn	Tuất BB			1.500.000		
541	Nguyễn Thị Hào				xã Bình Sơn	Tuất BB			1.500.000		
542	Trần Văn Thái	1950		270288241	xã Bình Sơn	CCCM.			1.500.000		
543	Nguyễn Thị Nô		1955	270376448	xã Bình Sơn	CCCM, Tù đầy			1.500.000		
544	Bùi Thị Hiếu		1925	210773504	xã Bình Sơn	Tuất 2 liệt sỹ (MVAh)		Cao tuổi	1.500.000		
545	Đoàn Nhật Thanh		1948	270013991	xã Bình Sơn	CDHHTT			1.500.000		
546	Phan Thị Phụ		1949	270376494	xã Bình Sơn	CDHHTT, TD			1.500.000		
547	Lương Thị Tài		1946	270377111	xã Bình Sơn	CDHHTT, CCCM, TD, suất BB			1.500.000		
548	Trương Văn Hàn	1955		270946218	xã Bình Sơn	CDHHTT			1.500.000		
549	Nguyễn Thị Nhật				xã Bình Sơn	CDHHTT			1.500.000		
550	Nguyễn Văn Cương	1952		271113592	xã Bình Sơn	CDHHTT			1.500.000		
551	Hoàng Văn Chung	1953		270288494	xã Bình Sơn	CDHHTT			1.500.000		
552	Nguyễn Văn Long	1948		270103935	xã Bình Sơn	CDHHTT			1.500.000		
553	Nguyễn Thị Nguyệt		1938	271897875	xã Bình Sơn	CDHHTT, TD			1.500.000		
554	Vũ Xuân Thiện	1947		271976277	xã Bình Sơn	CDHHTT			1.500.000		
555	Vũ Thị Luyến		1985		xã Bình Sơn	CD HHGT			1.500.000		
556	Nguyễn Thị Phương		1986		xã Bình Sơn	CD HHGT			1.500.000		
557	Nguyễn Thị Thắng		1952	270253321	xã Bình Sơn	TD,			1.500.000		
558	Vũ Thị Hiền	1946		270376771	xã Bình Sơn	TD			1.500.000		
559	Nguyễn Văn Phái	1957		270288388	xã Bình Sơn	TD			1.500.000		

560	Nguyễn Văn Đông	1954		270288640	xã Bình Sơn	TĐ			1.500.000	
561	Trần Thị Miến		1935	270288919	xã Bình Sơn	TĐ		Cao tuổi	1.500.000	
562	Nguyễn Văn Diễm	1953		270288351	xã Bình Sơn	TĐ			1.500.000	
563	Trịnh Văn Toàn		1955	270579507	xã Bình Sơn	TĐ			1.500.000	
564	Nguyễn Thị Ba		1932		xã Bình Sơn	TĐ		Cao tuổi	1.500.000	
Tổng số: 89 người										
IX. XÃ LONG PHƯỚC										
565	Lê Văn Khai	1966		334628240	xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
566	Nguyễn Anh Sào	1952		272951505	xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
567	Trương Kim Hằng	1950			xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
568	Lê Hoàng Sơn	1941		270255603	xã Long Phước	TB, BB, Tù đầy			1.500.000	
569	Nguyễn Hồng Minh	1942		187002374	xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
570	Hoàng Thêm	1948		272086941	xã Long Phước	Thương binh, BB			1.500.000	
571	Trần Văn Thi	1955		272006903	xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
572	Huyền Thị Tâm		1946	270247633	xã Long Phước	TB, BB, Tù đầy			1.500.000	
573	Trịnh Văn Ty	1940			xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
574	Tổng Văn Đông	1950			xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
575	Lê Thiệp Bộc	1932			xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
576	Nguyễn Thị Lan		1954		xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
577	Lê Ngọc Bản	1950		272065104	xã Long Phước	TB, BB, CDHH			1.500.000	
578	Lư Văn Chế	1930		270295888	xã Long Phước	Thương binh		cao tuổi	1.500.000	
579	Nguyễn Chí Thành	1950			xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
580	Đỗ Văn Dũng	1951			xã Long Phước	Thương binh, CDHH			1.500.000	
581	Trần Nguyễn Hải	1947			xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
582	Huyền Văn Minh	1958		270820621	xã Long Phước	Thương binh, tù đầy			1.500.000	
583	Đào Thị Oanh		1950	150328015	xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
584	Nguyễn Tài Bình	1956			xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
585	Nguyễn Văn Kiên		1934		xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
586	Hồ Văn Sơn	1957			xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
587	Nguyễn Công Hòa	1945			xã Long Phước	Thương binh, CDHH			1.500.000	
588	Trần Đình Thiện		1933	271999561	xã Long Phước	Thương binh		cao tuổi	1.500.000	
589	Phan Thanh Châu	1935		270255560	xã Long Phước	Thương binh, Tù đầy		cao tuổi	1.500.000	
590	Nguyễn Thị Óm (hoa)		1938	270255828	xã Long Phước	TB, tù đầy, vợ LS		cao tuổi	1.500.000	
591	Trần Thị Cự		1943	270255005	xã Long Phước	Thương binh, tù đầy			1.500.000	
592	Nguyễn Thanh Huân	1946		272273416	xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	
593	Lê Văn Lang	1943		272317689	xã Long Phước	Thương binh			1.500.000	

594	Nguyễn Hoàng Minh	1955		270243865	xã Long Phước	Thương binh				1.500.000		
595	Nguyễn Văn Nhó	1946		271666465	xã Long Phước	Thương binh				1.500.000		
596	Trần Văn Ro	1954		271809290	xã Long Phước	Thương binh, Tù đầy				1.500.000		
597	Nguyễn Văn Hùng	1950		270247398	xã Long Phước	Thương binh				1.500.000		
598	Nguyễn Thị Liên		1952	181120986	xã Long Phước	Thương binh				1.500.000		
599	Trần Hữu Thuận	1964		272950291	xã Long Phước	Thương binh				1.500.000		
600	Nguyễn Minh Trung	1941		270103263	xã Long Phước	Thương binh, tù đầy				1.500.000		
601	Trần Đình Dân	1951		180328856	xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
602	Đặng Xuân Cư	1948		272202547	xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
603	Đậu Xuân Phúc	1957		271528712	xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
604	Phạm Chí Công	1944		270178023	xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
605	Nguyễn Hoa Liên	1941		182358385	xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
606	Lê Huy Nguyễn	1950		271809444	xã Long Phước	Bệnh binh, CDHH				1.500.000		
607	Hồ Văn Dân	1950		272113700	xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
608	Đỗ Xuân Văn	1957		272274756	xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
609	Võ Văn Hiệp	1952		270255715	xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
610	Nguyễn Văn Hợi	1946		270754721	xã Long Phước	Bệnh binh, CDHH				1.500.000		
611	Nguyễn Thị Hương		1946		xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
612	Nguyễn Thị Hương		1946		xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
613	Huyền Thanh Long	1944		270247439	xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
614	Dương Minh Lê	1955		271528550	xã Long Phước	Bệnh binh, CDHH				1.500.000		
615	Bùi Văn Đức	1949			xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
616	Đậu Xuân Tó	1941			xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
617	Lưu Công Thọ	1940			xã Long Phước	Bệnh binh				1.500.000		
618	Hồ Thị Miến		1944		xã Long Phước	vợ LS				1.500.000		
619	Nguyễn Thị Thanh		1951	272847576	xã Long Phước	vợ LS				1.500.000		
620	Trần Thị Nhung		1946	272638018	xã Long Phước	vợ LS				1.500.000		
621	Lê Thị Cài				xã Long Phước	vợ LS				1.500.000		
622	Nguyễn Thị Mùi		1945	272064957	xã Long Phước	Mẹ LS				1.500.000		
623	Trần Thị Riêng		1932	270243696	xã Long Phước	vợ LS, Tù đầy			cao tuổi	1.500.000		
624	Nguyễn Thị Nơi		1946		xã Long Phước	vợ LS				1.500.000		
625	Châu Thị Giải			270243942	xã Long Phước	vợ LS				1.500.000		
626	Nguyễn Thị Hiệp		1929	270243992	xã Long Phước	Mẹ LS			cao tuổi	1.500.000		
627	Nguyễn Thị Bé		1946	270247414	xã Long Phước	vợ LS				1.500.000		
628	Bùi Thị Bé		1945	270255195	xã Long Phước	vợ LS				1.500.000		
629	Nguyễn Thị Ba		1934	270247863	xã Long Phước	mẹ LS			cao tuổi	1.500.000		

630	Bùi Thị Bông		1934	270255176	xã Long Phước	Vợ LS		cao tuổi	1.500.000	
631	Bùi Thị Dị		1919	270247277	xã Long Phước	Mẹ LS		cao tuổi	1.500.000	
632	Huỳnh Thị Nê		1931	270255108	xã Long Phước	Chị NB		cao tuổi	1.500.000	
633	Nguyễn Thị Mậu		1921	270247256	xã Long Phước	Mẹ LS		cao tuổi	1.500.000	
634	Nguyễn Thị Ba		1932	270255192	xã Long Phước	vợ LS		cao tuổi	1.500.000	
635	Phạm Thị Râu			272706093	xã Long Phước	vợ LS			1.500.000	
636	Nguyễn Thị Ngộ		1943		xã Long Phước	vợ LS			1.500.000	
637	Nguyễn Thị Bay				xã Long Phước	Tuất BB			1.500.000	
638	Nguyễn Thị Bé		1935	270247763	xã Long Phước	Tuất BB		cao tuổi	1.500.000	
639	Nguyễn Thủy Hồng		1949	270255712	xã Long Phước	Tuất BB			1.500.000	
640	Vũ Thị Thịnh		1958	272064856	xã Long Phước	Tuất BB			1.500.000	
641	Phạm Thị Dư		1954	270255097	xã Long Phước	Tuất BB			1.500.000	
642	Huỳnh Thị Hoa		1948	270247211	xã Long Phước	Tuất BB			1.500.000	
643	Trần Thị Thắm				xã Long Phước	Tuất BB			1.500.000	
644	Đào Thị Sen		1948	272876499	xã Long Phước	Tuất CDHH			1.500.000	
645	Phùng Văn Tân	1951		272065257	xã Long Phước	Tuất CDHH, CDHH			1.500.000	
646	Võ Thị Minh Ánh		1954	270103713	xã Long Phước	Tuất CDHH, CDHH			1.500.000	
647	Nguyễn Thị Chơi		1939	270247434	xã Long Phước	NCC			1.500.000	
648	Nguyễn Xuân Hiện	1949		272031350	xã Long Phước	CDHH			1.500.000	
649	Hà Kế Hoạch	1950		271754278	xã Long Phước	CDHH			1.500.000	
650	Nguyễn Đức Cường	1952		272065256	xã Long Phước	CDHH			1.500.000	
651	Nguyễn Đức Tư	1954		271011579	xã Long Phước	CDHH			1.500.000	
652	Nguyễn Thị Thùy Linh		1958		xã Long Phước	CDHH			1.500.000	
653	Đào Thị Oanh		1950		xã Long Phước	CDHH			1.500.000	
654	Trần Văn Đục	1951		270255744	xã Long Phước	CDHH, BB			1.500.000	
655	Trần Hữu Quảng	1952		150878771	xã Long Phước	CDHH			1.500.000	
656	Nguyễn Văn Lực	1952			xã Long Phước	CDHH			1.500.000	
657	Đỗ Thị Hạnh		1956	270589517	xã Long Phước	CDHH			1.500.000	
658	Phạm Thị Sen		1954		xã Long Phước	CDHH			1.500.000	
659	Phan Thanh Chính	1950			xã Long Phước	CDHH			1.500.000	
660	Nguyễn Văn Trường		1987		xã Long Phước	CDHH gián tiếp			1.500.000	
661	Nguyễn Thành An				xã Long Phước	CDHH gián tiếp			1.500.000	
662	Nguyễn Thị Tuyên		1990	272027187	xã Long Phước	CDHH gián tiếp			1.500.000	
663	Phùng Thị Thương		1976	271281996	xã Long Phước	CDHH gián tiếp			1.500.000	
664	Nguyễn Thị Hồng		1985	271840864	xã Long Phước	CDHH gián tiếp			1.500.000	

665	Lê Ngọc Bình	1994		272384389	xã Long Phước	CDHH gián tiếp			1.500.000		
666	Lê Thị Lê		1983	271528351	xã Long Phước	CDHH gián tiếp			1.500.000		
667	Dương Văn Tĩnh	1988		271864585	xã Long Phước	CDHH gián tiếp			1.500.000		
668	Phan Thành Thật	1983			xã Long Phước	CDHH gián tiếp			1.500.000		
669	Lê Thị Vân		1988	173071357	xã Long Phước	CDHH gián tiếp			1.500.000		
670	Trần Thị Minh Châu		1984		xã Long Phước	CDHH gián tiếp			1.500.000		
671	Trần Thị Thu Thủy		1983	271528633	xã Long Phước	CDHH gián tiếp			1.500.000		
672	Phạm Văn Tĩnh	1952		272339370	xã Long Phước	Tù đầy			1.500.000		
673	Bùi Thị Xuân		1950		xã Long Phước	Tù đầy			1.500.000		
674	Trần Thị Đức		1937	270247508	xã Long Phước	Tù đầy		cao tuổi	1.500.000		
Tổng số: 110 người										165.000.000	
X. XÃ BÀU CẠN											
675	Phan Văn Bình	1955		272107710	Xã Bàu Cạn	TBB nặng			1.500.000		
676	Phạm Văn Cước	1961		271996176	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
677	Chu Quang Lýa	1967		272115637	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
678	Nguyễn Văn Sơn	1949		271996306	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
679	Nguyễn Văn Viên	1957		271096978	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
680	Vũ Văn Quang	1966		270832897	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
681	Vũ Thanh Chương	1956		271095004	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
682	Nguyễn Thế Tường	1943		272301937	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
683	Nguyễn Quang Vinh	1952		272180019	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
684	Hà Văn Tự	1945			Xã Bàu Cạn	T. bình		hưu trí	1.500.000		
685	Vũ Quang Phi	1949		272209003	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
686	Trần Đình Hân	1945		271096446	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
687	Võ Thị Kiều	1945			Xã Bàu Cạn	T. bình		hưu trí	1.500.000		
688	Trần Văn Liên	1947		272195141	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
689	Lê Văn Luân	1955		272181247	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
690	Cao Xuân Phần	1945		272181376	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
691	Lê Bá Đồi	1943		271095293	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
692	Nguyễn Mậu Minh	1947		272209146	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
693	Nguyễn Văn Phi	1958		271095159	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
694	Nguyễn Văn Danh	1961		270214841	Xã Bàu Cạn	T. bình			1.500.000		
695	Trần Văn Nùng	1940			Xã Bàu Cạn	T. bình		hưu trí	1.500.000		
696	Nguyễn Duy Quảng	1940			Xã Bàu Cạn	T. bình		hưu trí	1.500.000		
697	Phan Văn Thuận	1943			Xã Bàu Cạn	T. bình		hưu trí	1.500.000		
698	Nguyễn Thị Kim Cúc	1948			Xã Bàu Cạn	T. bình		hưu trí	1.500.000		

699	Phan Văn Thọ	1942			Xã Bàu Cạn	TB, mất sức			hưu trí		1.500.000	
700	Trần Thị Đào		1949	271605761	Xã Bàu Cạn	T. bình					1.500.000	
701	Nguyễn Thị Kieu		1949		Xã Bàu Cạn	T. bình			hưu trí		1.500.000	
702	Nguyễn Thị Lan		1949	270288768	Xã Bàu Cạn	T. bình					1.500.000	
703	Nguyễn Đức Dong	1948		170763162	Xã Bàu Cạn	T. bình					1.500.000	
704	Trần Anh Chương	1967		270846644	Xã Bàu Cạn	T. bình					1.500.000	
705	Lê Văn Khôn	1956		272383900	Xã Bàu Cạn	T. bình					1.500.000	
706	Lê Hồng Thơ	1947		272301445	Xã Bàu Cạn	T. bình					1.500.000	
707	Trần Dương Mộc	1950		272209319	Xã Bàu Cạn	T. bình					1.500.000	
708	Nguyễn Văn Thời	1953		272115626	Xã Bàu Cạn	Bệnh bình					1.500.000	
709	Nguyễn Văn Cầu	1940		272195126	Xã Bàu Cạn	Bệnh bình			cao tuổi		1.500.000	
710	Huỳnh Minh Đức	1943		270283750	Xã Bàu Cạn	Bệnh bình					1.500.000	
711	Hà Thanh Chương	1950		271886422	Xã Bàu Cạn	Bệnh bình					1.500.000	
712	Phan Hồng Duyên	1934		272229876	Xã Bàu Cạn	Bệnh bình					1.500.000	
713	Nguyễn Trọng Toàn	1948		272195288	Xã Bàu Cạn	Bệnh bình					1.500.000	
714	Nguyễn Hữu Thiết	1941		272416328	Xã Bàu Cạn	Bệnh bình					1.500.000	
715	Lương Văn Xuân	1953			Xã Bàu Cạn	AHLLVT					1.500.000	
716	Lại Đình Phiến	1947		272180900	Xã Bàu Cạn	HH dưới 81%					1.500.000	
717	Phạm Thị Lân		1928		Xã Bàu Cạn	Vợ LS					1.500.000	
718	Nguyễn Thị Óm		1933		Xã Bàu Cạn	Mẹ LS			cao tuổi		1.500.000	
719	Phạm Thị Dung		1942		Xã Bàu Cạn	Mẹ LS					1.500.000	
720	Phạm Thị Dinh		1946		Xã Bàu Cạn	Vợ LS					1.500.000	
721	Cao Thị Hoạt		1952		Xã Bàu Cạn	Vợ LS					1.500.000	
722	Nguyễn Thị Sáu		1950		Xã Bàu Cạn	Vợ LS					1.500.000	
723	Phạm Xuân Phu		1942		Xã Bàu Cạn	Chồng LS					1.500.000	
724	Diệp Thị Thiện		1949		Xã Bàu Cạn	Tuất BB					1.500.000	
725	Phan Thị Búp		1955		Xã Bàu Cạn	Tuất BB					1.500.000	
726	Nguyễn Thị Lợi		1955		Xã Bàu Cạn	Tuất BB					1.500.000	
727	Lại Đình Linh		1980		Xã Bàu Cạn	HH Gián tiếp					1.500.000	
728	Cao Hiệp Thành		1982		Xã Bàu Cạn	HH Gián tiếp					1.500.000	
											81.000.000	
XI. XÃ LONG ĐỨC												
729	Vũ Hoài Nam		1959		xã Long Đức	Thương bình					1.500.000	
730	Phan Thanh Sơn		1962		xã Long Đức	Thương bình					1.500.000	
731	Đặng Quốc Thung		1947		xã Long Đức	Thương bình					1.500.000	
732	Thái Xuân Thống		1957		xã Long Đức	Thương bình					1.500.000	

733	Phan Ngọc Tuyên	1952		272209244	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
734	Lương Hiến Thành	1950		270115803	xã Long Đức	Tù Đày, TB			1.500.000		
735	Nguyễn Văn Tài	1950		272315280	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
736	Hoàng Ngọc Thuận	1952		271846025	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
737	Hồ Văn Tiến	1955		271298408	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
738	Lê Thị Trọng		1945	210747221	xã Long Đức	CCCM, TB			1.500.000		
739	Nguyễn Đình Thắm	1939		272181528	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
740	Hà Văn Công	1942		272468158	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
741	Trần Văn Cương	1951		278115807	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
742	Bùi Vĩnh Nhân	1953		272258201	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
743	Trần Thị Quận		1954	270675453	xã Long Đức	Tù Đày, TB			1.500.000		
744	Huyền Hồng Hải	1950		270285463	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
745	Trần Văn Hiệp	1959		271009723	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
746	Đặng Văn Hải	1950		270285463	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
747	Lê Huy Thiện	1951		270969521	xã Long Đức	Tù Đày, TB			1.500.000		
748	Lê Chí Nguyễn	1950		270115062	xã Long Đức	TB, NCDHH		Cao tuổi	1.500.000		
749	Nguyễn Văn Song	1951		270510295	xã Long Đức	Tù Đày, TB			1.500.000		
750	Nguyễn Tiến Tranh	1952		272318918	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
751	Phan Thanh Việt	1947		270283653	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
752	Lý Văn Tâm	1967		270675454	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
753	Phạm Thị Khanh		1942	270106829	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
754	Ngô Văn Ghi	1939			xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
755	Nguyễn Bá Hương	1957		270763739	xã Long Đức	Thương binh			1.500.000		
756	Nguyễn Minh Duyết	1951		272467529	xã Long Đức	Bệnh Binh			1.500.000		
757	Lý Văn Lương	1948		090916957	xã Long Đức	Bệnh Binh			1.500.000		
758	Phạm Văn Kim	1954		271605713	xã Long Đức	CDHH, BB			1.500.000		
759	Nguyễn Văn Trí	1947		270115883	xã Long Đức	Bệnh Binh			1.500.000		
760	Trần Văn Đề	1957		271736448	xã Long Đức	Bệnh Binh			1.500.000		
761	Phan Văn Phước	1958		271223396	xã Long Đức	Thương Bệnh Binh			1.500.000		
762	Nguyễn Văn Nguyệt	1945		272195060	xã Long Đức	Thương Bệnh Binh			1.500.000		
763	Nguyễn Thị Xót		1926	270115844	xã Long Đức	Mẹ VNAH		Cao tuổi	1.500.000		
764	Đinh Thị Diệu		1939	190718056	xã Long Đức	Tuất 01 Liệt sĩ			1.500.000		
765	Phan Thị Xuân		1935	180456037	xã Long Đức	Tuất 01 Liệt sĩ		Cao tuổi	1.500.000		
766	Phạm Thị Tiến		1947	272858616	xã Long Đức	Tuất 01 Liệt sĩ			1.500.000		
767	Phạm Thị Thắm		1938	061471372	xã Long Đức	Tuất 01 Liệt sĩ			1.500.000		
768	Huỳnh Văn Ngọc				xã Long Đức	Tuất 01 Liệt sĩ			1.500.000		

769	Phạm Thị Lệ		1938	270103513	xã Long Đức	Tuất 01 Liệt sĩ, TB		1.500.000		
770	Lê Thị Như Mai		1932	270115802	xã Long Đức	Tuất 01 Liệt sĩ, NCDHH, Tù Đày		1.500.000		
771	Nguyễn Thị Liễu		1941	272180041	xã Long Đức	Tuất 01 Liệt sĩ, CDHH, Tù Đày		1.500.000		
772	Lương Thị Sáu		1938	270292046	xã Long Đức	Tuất 01 Liệt sĩ		1.500.000		
773	Huỳnh Thị Nhị		1963	270285164	xã Long Đức	Tuất 01 Liệt sĩ		1.500.000		
774	Vũ Thị Bông		1936	270120267	xã Long Đức	Tuất 01 Liệt sĩ, CCCM	Cao tuổi	1.500.000		
775	Lê Thị Lộc		1953	270315769	xã Long Đức	Tuất 01 Liệt sĩ	Cao tuổi	1.500.000		
776	Nguyễn Văn Bảo	1954		270001969	xã Long Đức	CDHH		1.500.000		
777	Trịnh Phẩm Hạnh	1949		271953500	xã Long Đức	CDHH		1.500.000		
778	Phạm Đức Công	1955		272066887	xã Long Đức	CDHH, TB		1.500.000		
779	Giang Tất Vinh	1945		271923316	xã Long Đức	CDHH		1.500.000		
780	Nguyễn Quốc Vy	1943			xã Long Đức	CDHH		1.500.000		
781	Vũ Hồng Khuyển	1952		272180985	xã Long Đức	CDHH, BB		1.500.000		
782	Đinh Thị Lương		1950	272180235	xã Long Đức	CDHH, BB		1.500.000		
783	Nguyễn Văn Chung	1952		271649853	xã Long Đức	CDHH		1.500.000		
784	Nguyễn Xuân Sinh	1944		272274473	xã Long Đức	TB, CDHH		1.500.000		
785	Trương Văn Thống	1954		271878617	xã Long Đức	CDHH		1.500.000		
786	Viên Đình Quyền	1949		271845853	xã Long Đức	CDHH		1.500.000		
787	Trương Văn Đức	1989		271950928	xã Long Đức	Con NCDHH		1.500.000		
788	Đinh Thị Duyên		1978	272371095	xã Long Đức	Con NCDHH		1.500.000		
789	Đỗ Đình Thân	1974			xã Long Đức	Con NCDHH		1.500.000		
790	Phạm Thị Hạnh		1990	272052703	xã Long Đức	Con NCDHH		1.500.000		
791	Viên Đình Đức		1984	27219591	xã Long Đức	Con NCDHH		1.500.000		
792	Phạm Thị Hồng		1981		xã Long Đức	Con NCDHH		1.500.000		
793	Lã Xuân Sinh	1963		270280920	xã Long Đức	Con NCDHH, 2LS		1.500.000		
794	Nguyễn Hữu Danh	1947		270809125	xã Long Đức	CCCM		1.500.000		
795	Trần Thị Tinh		1943	270285371	xã Long Đức	CCCM, Tuất TB		1.500.000		
796	Lê Thị Năm		1929	270285466	xã Long Đức	CCCM		500.000	Chết ngày 28/4/2020	
797	Nguyễn Thị Dung		1953	312182952	xã Long Đức	Tuất TBB		1.500.000		
798	Phan Thị Luyến		1957	272273789	xã Long Đức	Tuất TBB		1.500.000		
799	Lưu Công Xu	1946		271342421	xã Long Đức	Tù Đày		1.500.000		
800	Bùi Thị Chương		1951	271371389	xã Long Đức	Tuất LS		1.500.000		
Tổng số: 72 người								107.000.000		

XII. XÃ LỘC AN												
801	Nguyễn Thị Xuân		1952	272824522	xã Lộc An	TB					1.500.000	
802	Cao Tiến Đường	1950		270120451	xã Lộc An	TB					1.500.000	
803	Võ Thành Được	1941		270315576	xã Lộc An	TB					1.500.000	
804	Nguyễn Văn Được	1968		270820405	xã Lộc An	TB					1.500.000	
805	Trần Thanh Minh	1947		270315219	xã Lộc An	TB					1.500.000	
806	Trần Xuân Cát	1947		271495726	xã Lộc An	TB					1.500.000	
807	Phạm Văn Công	1946		271953290	xã Lộc An	TB					1.500.000	
808	Phạm Minh Tâm	1956		271382460	xã Lộc An	TB					1.500.000	
809	Phan Văn Thắng	1945		270315620	xã Lộc An	BB					1.500.000	
810	Võ Sỹ Sứ	1950		272113525	xã Lộc An	BB					1.500.000	
811	Phạm Xuân Khoát	1947		270284923	xã Lộc An	BB					1.500.000	
812	Đinh Xuân Láng	1953		2724152277	xã Lộc An	BB					1.500.000	
813	Nguyễn Hồng Quân	1949		270315069	xã Lộc An	BB					1.500.000	
814	Đinh Thanh Đá	1943		272468673	xã Lộc An	BB					1.500.000	
815	Dương Đình Tam	1955		271953281	xã Lộc An	BB					1.500.000	
816	Nguyễn Thị Liên		1945	270315083	xã Lộc An	BB					1.500.000	
817	Phạm Kim Xuyên		1951	270227550	xã Lộc An	BB					1.500.000	
818	Trần Thị Đào		1942	270120451	xã Lộc An	Tuất 1 liệt sỹ					1.500.000	
819	Lê Văn Phó	1930		270315765	xã Lộc An	Tuất 1 liệt sỹ		Cao tuổi			1.500.000	
820	Nguyễn Hoài Linh	1999		272674490	xã Lộc An	Tuất TB					1.500.000	
821	Nguyễn Thị Hồng Loan		2007		xã Lộc An	Tuất TB					1.500.000	
822	Đào Thị Hai		1942	270284988	xã Lộc An	Tuất TB					1.500.000	
823	Nguyễn Văn Đức	1940		270284860	xã Lộc An	Tuất TB					1.500.000	
824	Võ Thị Bạch		1945	271950560	xã Lộc An	CCCM, suất TB					1.500.000	
825	Trần Thị Rằm		1949	270315510	xã Lộc An	NCC - HDCM					1.500.000	
826	Trần Văn Bá	1932		270315732	xã Lộc An	NCC - HDCM -		Cao tuổi			1.500.000	
827	Nguyễn Văn Thiện	1951		271996079	xã Lộc An	Suy giảm KNLD từ 41 - 60%					1.500.000	
828	Đào Thanh Long	1957		272180262	xã Lộc An	Suy giảm KNLD từ 41 - 60% - TB					1.500.000	
829	Trần Hữu Nghĩa	1943		270284176	xã Lộc An	Người HDCM - TB					1.500.000	
830	Đặng Thị Tư (lan)		1941	270225672	xã Lộc An	Người HDCM					1.500.000	
831	Nguyễn Thị Thanh Hà		1954	270103769	xã Lộc An	Người HDCM					1.500.000	
Tổng số: 31 người											46.500.000	
XIII. XÃ TÂN HIỆP												

832	Trần Thị Ngọc		1944		xã Tân Hiệp	TB			1.500.000	
833	Đỗ Thanh Mục	1959			xã Tân Hiệp	TB			1.500.000	
834	Phạm Văn Hồng	1950			xã Tân Hiệp	TB			1.500.000	
835	Phạm Văn Bốn	1957			xã Tân Hiệp	TB			1.500.000	
836	Bùi Thị Lai		1950		xã Tân Hiệp	TB			1.500.000	
837	Lê Thị Mỹ Lợi		1936		xã Tân Hiệp	TB		Cao tuổi	1.500.000	
838	Phạm Xuân Quang	1940			xã Tân Hiệp	TB			1.500.000	
839	Nguyễn Văn Hùng	1952			xã Tân Hiệp	TB			1.500.000	
840	Trần Tuấn Kiệt	1960			xã Tân Hiệp	TB			1.500.000	
841	Nguyễn Văn Phú	1960			xã Tân Hiệp	TB			1.500.000	
842	Tào Văn Cát	1949			xã Tân Hiệp	TB			1.500.000	
843	Bùi Đức Duy	1967			xã Tân Hiệp	TB			1.500.000	
844	Trần Công Thành	1949			xã Tân Hiệp	TB			1.500.000	
845	Lê Anh Tuấn	1960			xã Tân Hiệp	BB			1.500.000	
846	Phan Cảnh Vệ	1941			xã Tân Hiệp	BB			1.500.000	
847	Nguyễn Văn Tâm	1947			xã Tân Hiệp	BB			1.500.000	
848	Huỳnh Ngọc Nhuận	1950			xã Tân Hiệp	BB			1.500.000	
849	Nguyễn Du	1953			xã Tân Hiệp	BB			1.500.000	
850	Trần Xuân Thanh	1949			xã Tân Hiệp	BB			1.500.000	
851	Nguyễn Xuân Đào	1955			xã Tân Hiệp	TB B suy giảm KNLD từ 21-60%			1.500.000	
852	Đặng Thị Một		1931		xã Tân Hiệp	Tuất 1 liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000	
853	Nguyễn Tuyền	1931			xã Tân Hiệp	Tuất 1 liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000	
854	Hoàng Thị Tánh		1942		xã Tân Hiệp	Tuất 1 liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000	
855	Văn Thị Nhị		1937		xã Tân Hiệp	Tuất 1 liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000	
856	Mai Thị Lôi		1937		xã Tân Hiệp	Tuất 1 liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000	
857	Phạm Thị Dung		1940		xã Tân Hiệp	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000	
858	Đỗ Thị Khuê		1927		xã Tân Hiệp	Tuất 1 liệt sỹ		cao tuổi	1.500.000	
859	Hoàng Văn Chiến	1949			xã Tân Hiệp	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000	
860	Phạm Thị Mai		1942		xã Tân Hiệp	Tuất 1 liệt sỹ			1.500.000	
861	Nguyễn Thị Nhung		1954		xã Tân Hiệp	Tuất BB			1.500.000	
862	Nguyễn Thị Lôi		1932		xã Tân Hiệp	CCCM		cao tuổi	1.500.000	
863	Nguyễn Thị Thọ		1938		xã Tân Hiệp	CCCM		cao tuổi	1.500.000	
864	Huỳnh Thị Tào		1934		xã Tân Hiệp	CCCM		cao tuổi	1.500.000	
865	Nguyễn Thị Lụa		1952		xã Tân Hiệp	CCCM			1.500.000	

866	Lê Thị Diễm		1931		xã Tân Hiệp	Bà mẹ Việt nam anh hùng (02 liệt sỹ)		cao tuổi	1.500.000		
867	Dương Thị Thu Huệ		1955		xã Tân Hiệp	Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%			1.500.000		
868	Trần Thị Thủy Châu		1989		xã Tân Hiệp	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên			1.500.000		
869	Nguyễn Thị Tú Trinh		1987		xã Tân Hiệp	Con bị DDDT, SGKNLĐ từ 81% trở lên			1.500.000		
870	Huỳnh Thị Cảnh		1947		xã Tân Hiệp	Tù đầy			1.500.000		
Tổng số: 39 người									58.500.000		
XIV. XÃ BÌNH AN											
871	Phan Xuân Chiến	1940		272209421	xã Bình An	Thương Bình		hưu trí	1.500.000		
872	Ngô Thị Thiện		1931	270646098	xã Bình An	Thương Bình, tuổi LS		cao tuổi	1.500.000		
873	Trần Quang Duy	1952		272015191	xã Bình An	Thương Bình		hưu trí	1.500.000		
874	Trần Công Quy	1949		272015251	xã Bình An	Thương Bình			1.500.000		
875	Trương Hồng Công	1948		270809170	xã Bình An	Thương Bình			1.500.000		
876	Lê Thị Tiểu	1949		270809171	xã Bình An	Thương Bình			1.500.000		
877	Trần Đăng Dung	1947		272300460	xã Bình An	Thương Bình			1.500.000		
878	Trần Thị Mai	1950		270809136	xã Bình An	Thương Bình			1.500.000		
879	Lê Văn Dũng	1941		272015225	xã Bình An	Thương Bình			1.500.000		
880	Bùi Thị Châu		1954	271557609	xã Bình An	Thương Bình			1.500.000		
881	Phạm Văn Phòng	1949		271809135	xã Bình An	Thương Bình			1.500.000		
882	Lê Văn	1945		272021609	xã Bình An	Thương Bình			1.500.000		
883	Nguyễn Thị Tuong		1947	272021532	xã Bình An	Thương Bình			1.500.000		
884	Trần Đức Thiện	1931		271996522	xã Bình An	Thương Bình		cao tuổi	1.500.000		
885	Phan Như Đáp	1940		272209419	xã Bình An	Thương Bình			1.500.000		
886	Lê Hữu Hào	1941			xã Bình An	Thương Bình			1.500.000		
887	Võ Văn Minh	1942		271736882	xã Bình An	Tuất TB			1.500.000		
888	Đặng Hải Đường	1941		272021331	xã Bình An	Bệnh Bình			1.500.000		
889	Lê Quang Trung	1946		272015359	xã Bình An	Bệnh Bình			1.500.000		
890	Huỳnh Thị Diệp		1952	270222182	xã Bình An	Bệnh Bình			1.500.000		
891	Nguyễn Thành Trung	1940		270103948	xã Bình An	Bệnh Bình			1.500.000		
892	Huỳnh Văn Chi	1950		270692801	xã Bình An	Bệnh Bình			1.500.000		
893	Phạm Thị Hội		1924		xã Bình An	Mẹ LS			1.500.000		
894	Nguyễn Thị Tường		1966	270586797	xã Bình An	Tuất LS			1.500.000		
895	Nguyễn Thị Hân		1946		xã Bình An	Tuất LS			1.500.000		

896	Nguyễn Thị Yến		1934	272605813	xã Bình An	Mẹ LS			1.500.000	
897	Nguyễn Thị Đa			272021309	xã Bình An	CCCM, tuất LS			1.500.000	
898	Trần Văn Long	1958		272021309	xã Bình An	Tù chính trị			1.500.000	
899	Nguyễn Văn Phiệt	1946		272015282	xã Bình An	HH dưới 81%			1.500.000	
900	Bùi Quang Vinh	1952		270954949	xã Bình An	HH dưới 81%			1.500.000	
901	Phạm Thị Hồng Thủy				xã Bình An	HH Giám tiếp			1.500.000	
902	Trương Thị Tuyền				xã Bình An	Tuất TBB			1.500.000	
Tổng số: 32 người									48.000.000	

Tổng cộng: Số người hỗ trợ: 902 người; số tiền: 1.351.000.000 đồng; bằng chữ: Một tỷ, ba trăm năm mươi một triệu đồng chẵn./.



Nguyễn Hòa Hiệp